

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách bảo trợ xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*Thông tư số 50/2024/TT-BTC*).

Để có cơ sở trình Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả (*gọi tắt là Nghị quyết*), UBND tỉnh báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Để tổ chức chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định, căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ (*Thông tư số 76/2021/TT-BTC*), UBND tỉnh ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 về việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả (*Quyết định số 834/QĐ-UBND*), trong đó quy định mức phí chi trả là 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả và giao cho UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn liên quan lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, ngày 01/7/2024 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTC, trong đó tại điểm d khoản 2 Điều 1 quy định: “*Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*”.

Như vậy, việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả theo Quyết định số 834/QĐ-UBND của UBND tỉnh không còn phù hợp với Thông tư số 50/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính, do

đó cần thiết phải xây dựng Nghị quyết để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm thực hiện tốt công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội tại các địa phương, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo theo quy định của pháp luật; đồng thời quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng và mức phí chi trả làm cơ sở cho các địa phương tổ chức thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Tên gọi của chính sách: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi phí chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

2. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

Từ ngày 01/9/2024 mức phí chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả không được thực hiện theo Quyết định số 834/QĐ-UBND của UBND tỉnh, dẫn đến khó khăn cho các huyện, thành phố trong việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn. Để xem xét, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức cuộc họp liên ngành với Sở Tài chính, Sở Tư pháp, UBND các huyện, thành phố và Bưu điện tỉnh (*tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả*) bàn giải pháp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trong thời gian chờ ban hành Nghị quyết, theo đó, Bưu điện tỉnh đồng ý thực hiện chi trả trợ giúp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh (không tính phí chi trả) từ ngày 01/9/2024 đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên; đồng thời các cơ quan chức năng sẽ sớm tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết quy định mức phí chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả để các tổ chức chi trả có cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố và tổ chức dịch vụ chi trả mức phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả đang thực hiện là 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả. Mức phí chi trả này đã đảm bảo các chi phí để tổ chức chi trả cho các đối tượng và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Do vậy, UBND tỉnh đề nghị giữ nguyên mức phí chi trả là 1,05%.

Sau khi có chủ trương về xây dựng Nghị quyết nêu trên của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn liên quan và các huyện, thành phố khẩn trương đẩy nhanh tiến độ tham mưu hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 12/2024.

3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc xây dựng Nghị quyết không gây tác động đối với hệ thống pháp luật, nội dung của Nghị quyết phù hợp với chủ trương của Đảng, các quy định của Pháp luật hiện hành.

3.2. Tác động về kinh tế - xã hội: Nghị quyết được ban hành thể hiện sự quan tâm của tỉnh đối với công tác chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả, mức phí chi trả không thay đổi, tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác chi trả, đáp ứng nhu cầu thực tiễn; làm cơ sở cho các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

3.3. Tác động về giới: Không có tác động về giới.

3.4. Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Hiện nay, dự kiến kinh phí 01 năm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh khoảng trên 140 tỷ đồng/năm (theo mức chuẩn trợ giúp xã hội 500.000đ/tháng). Mức phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả khoảng trên 1,4 tỷ đồng/năm.

2. Nguồn kinh phí chi cho tổ chức dịch vụ chi trả: Từ nguồn kinh phí chi đảm bảo xã hội giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hằng năm.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐTBXH, Tài chính, Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP (ông Trung);
- Lưu: VT, VXNV(H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Duy Hưng